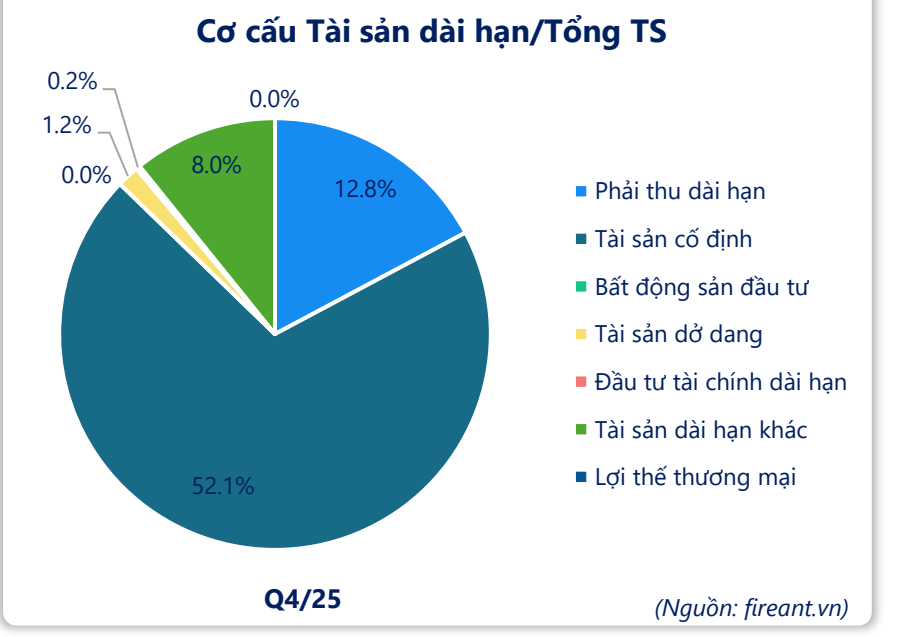
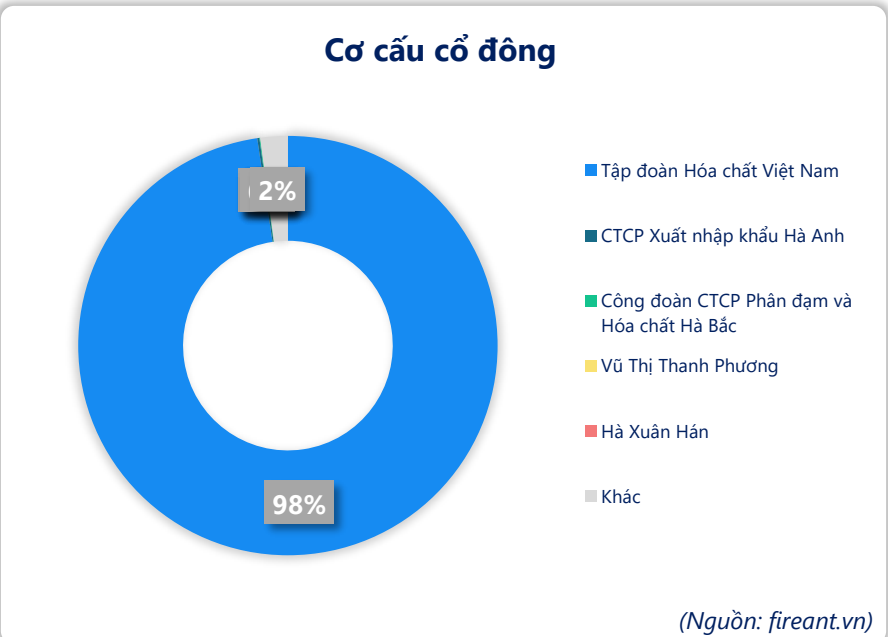
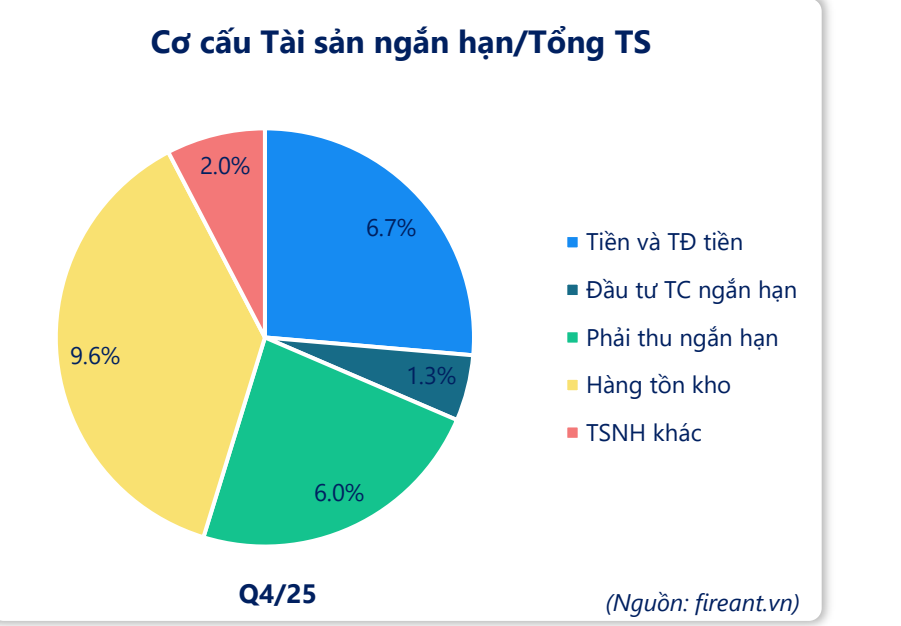
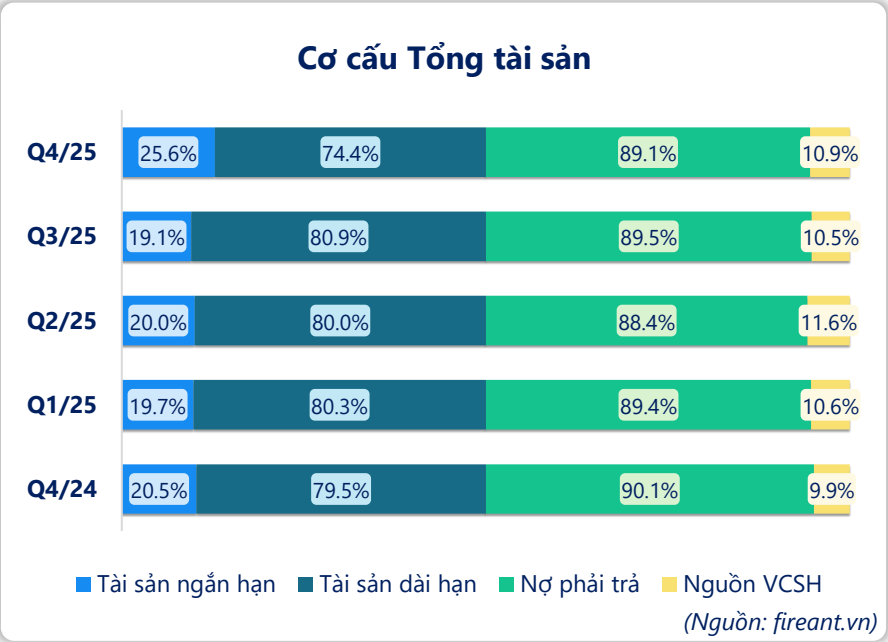
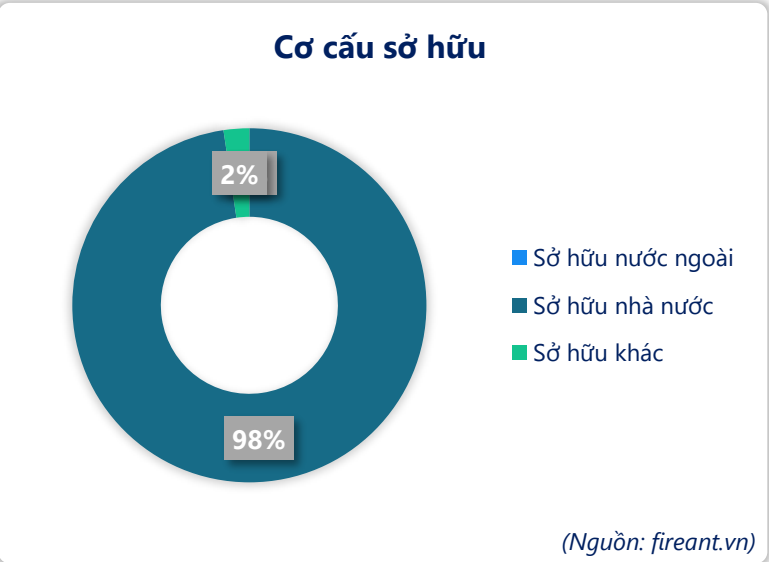
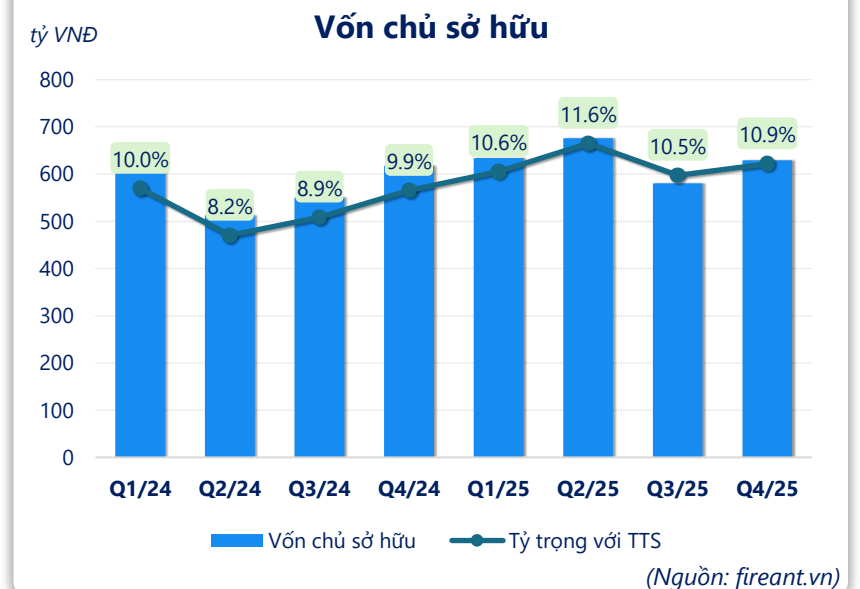
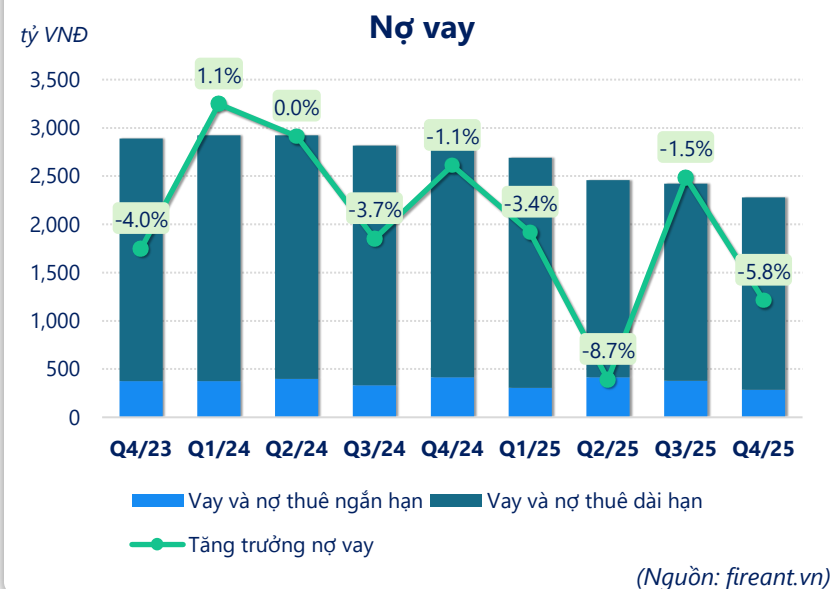
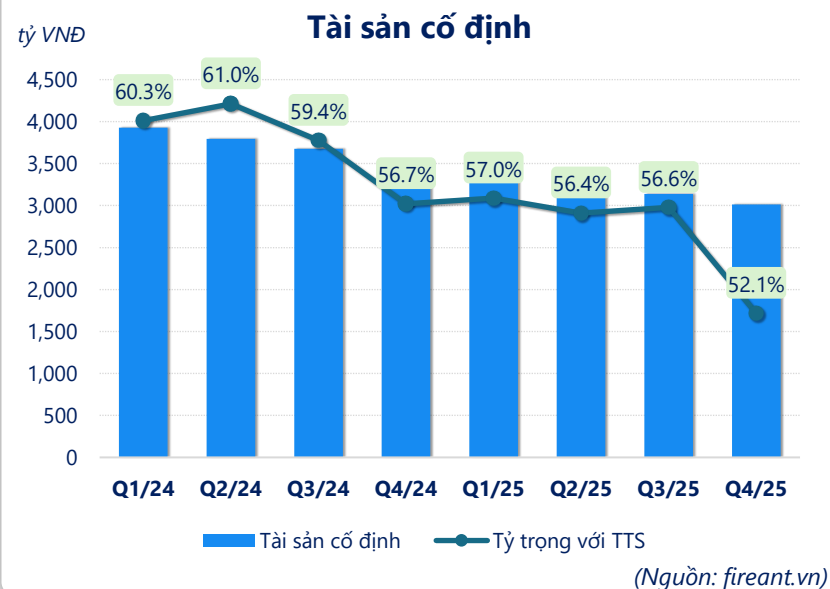
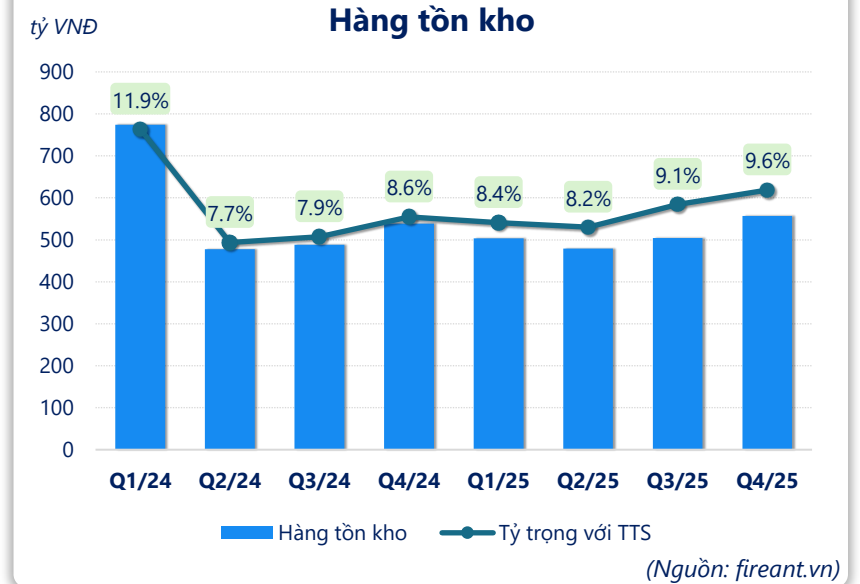
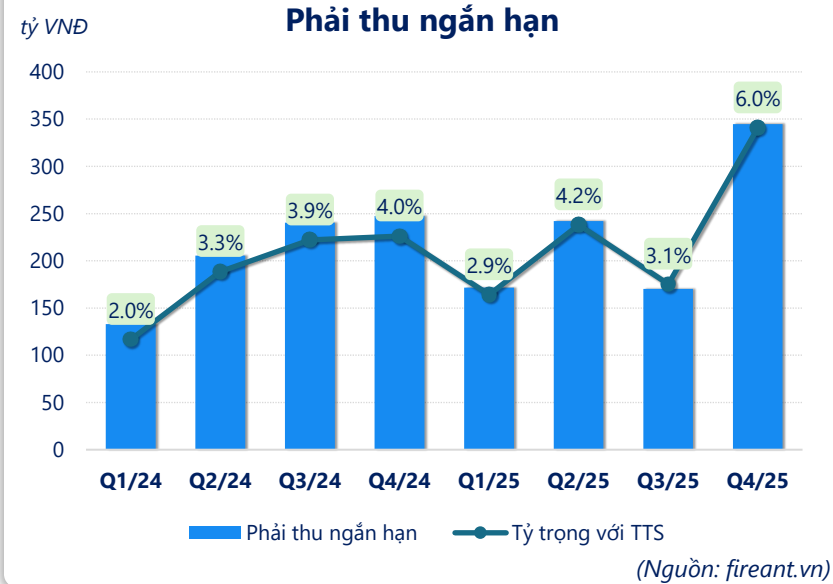
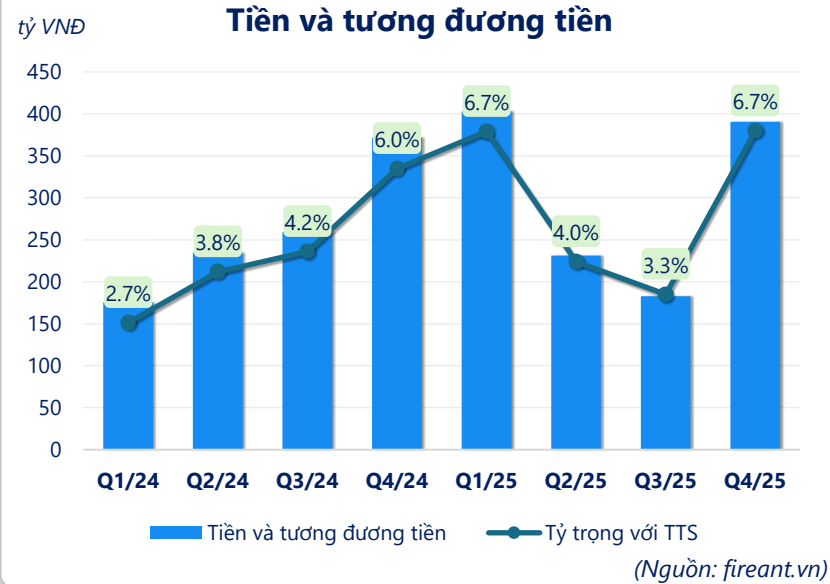
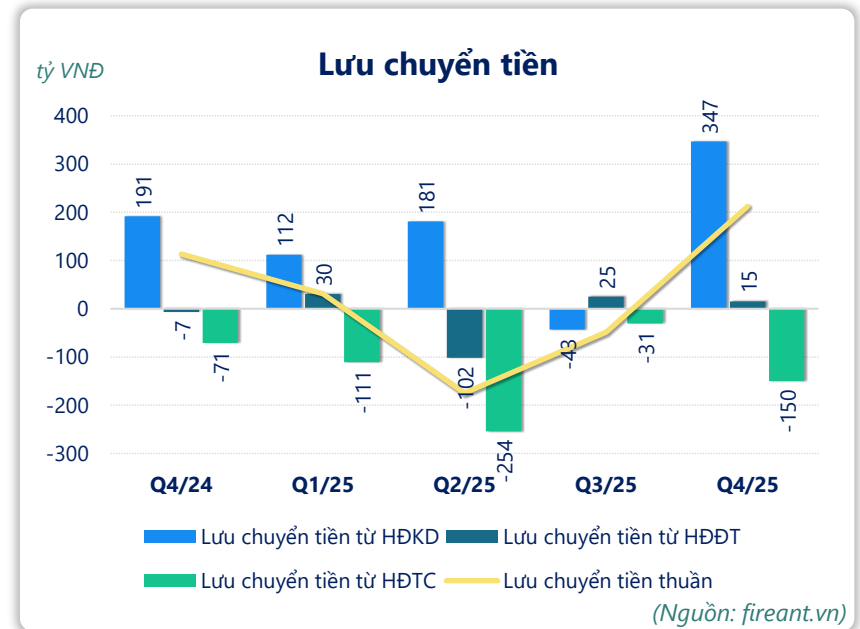
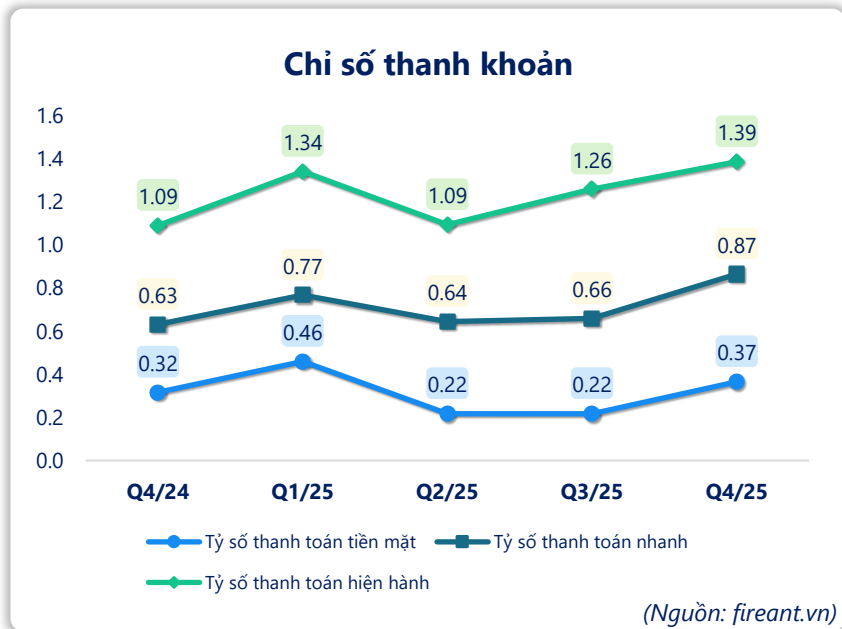
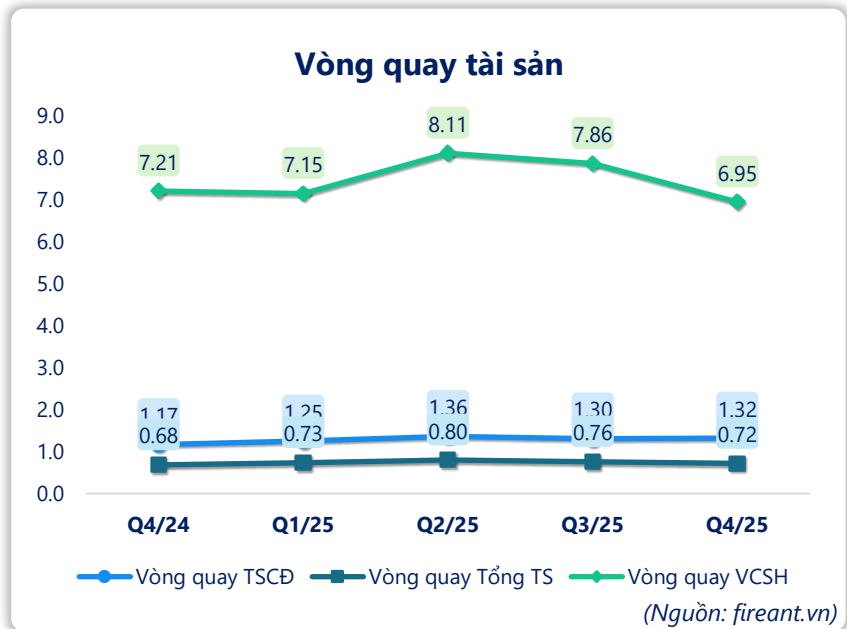
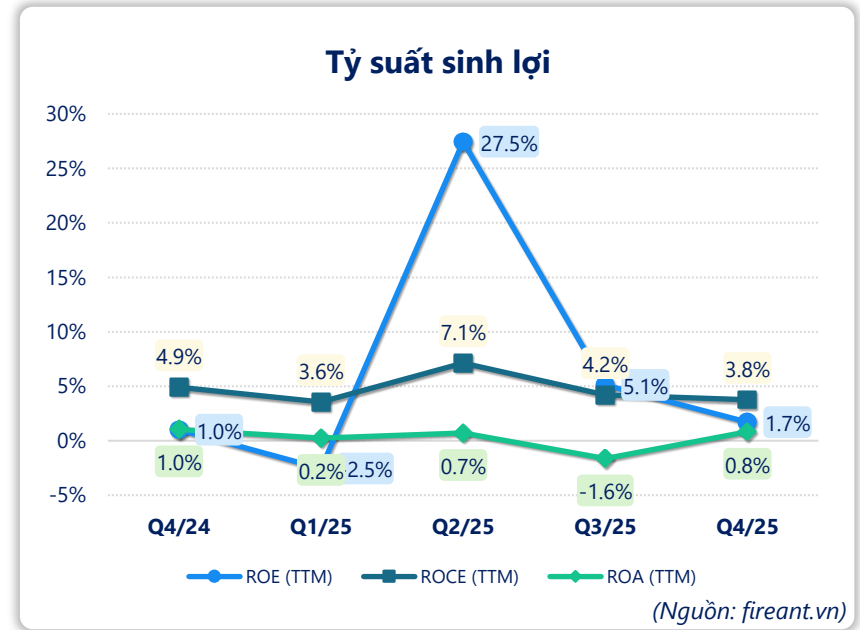
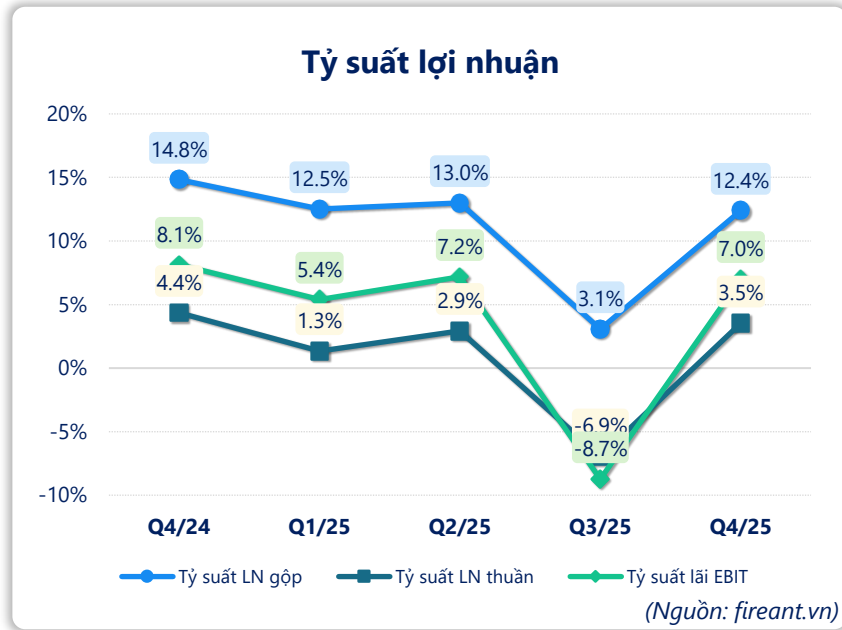
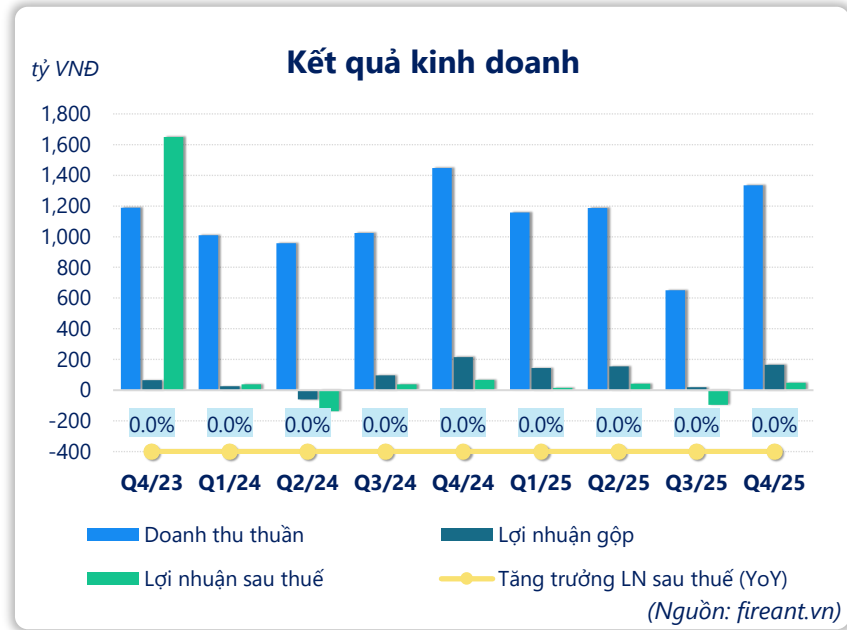


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,100
SL cổ phiếu LH		272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,520
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,069
P/E		194.5
EPS		39

	YTD	1T	3T	6T
DHB	-16.5%	-5.0%	-15.6%	-17.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,784	6,248	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	1,481	1,281	15.6%
Tiền và tương đương tiền	390	372	5.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.5	48.0	57.3%
Phải thu ngắn hạn	345	247	39.4%
Hàng tồn kho	557	539	3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	113	74.4	52.3%
Tài sản dài hạn	4,303	4,967	-13.4%
Phải thu dài hạn	741	741	0.0%
Tài sản cố định	3,013	3,545	-15.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	71.0	92.3	-23.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	465	576	-19.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,155	5,629	-8.4%
Nợ ngắn hạn	1,068	1,174	-9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	284	415	-31.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	567	386	46.8%
Nợ dài hạn	4,087	4,456	-8.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,995	2,370	-15.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	629	618	1.7%
Vốn chủ sở hữu	629	618	1.7%
Vốn điều lệ	2,722	2,722	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,448	1,157	1,187	651	1,335
Giá vốn hàng bán	1,233	1,013	1,033	631	1,169
Lợi nhuận gộp	215	145	154	20.0	165
Doanh thu HĐTC	11.0	1.48	10.0	1.19	2.09
Chi phí TC	98.0	65.8	66.0	39.0	49.3
Chi phí lãi vay	50.5	46.8	43.1	39.0	44.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	31.5	32.0	22.7	7.55	23.8
Chi phí QLDN	33.0	32.9	40.7	19.8	47.4
LN thuần từ HĐKD	63.0	15.6	34.8	-45.2	47.0
Lợi nhuận khác	4.28	0.03	7.20	-50.7	2.01
LN trước thuế	67.3	15.6	42.0	-95.9	49.0
Lợi nhuận sau thuế	67.3	15.6	42.0	-95.9	49.0
LNST của CĐ cty mẹ	67.3	15.6	42.0	-95.9	49.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	191	112	181	-43.3	347
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.88	30.2	-102	25.4	15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.9	-111	-254	-30.6	-150
Tiền đầu kỳ	259	372	403	231	183
Lưu chuyển tiền thuần	114	31.2	-175	-48.5	212
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.15	0	2.80	0	-4.55
Tiền cuối kỳ	372	403	231	183	390

(Nguồn: fireant.vn)